

# PHƯƠNG THỨC TUYỂN DỤNG QUAN LẠI THỜI TRẦN

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG CHI\*

**P**hương thức tuyển dụng quan lại thời Trần khá phong phú. Quan lại được tuyển dụng bằng nhiều hình thức và điều cốt yếu là tuyển chọn người thực tài tham gia vào bộ máy nhà nước. "Triều Trần dùng người thật là công bằng. Tuy đã đặt khoa mục mà trong việc kén dùng chỉ cốt tài là được, cho nên những nho sĩ có chí thường được trở tài của mình, không đến nỗi bị bó buộc hạn chế vì tư cách, như khoảng đời Long Hưng (1293) Đại Khánh (1314) nhân tài có rất nhiều, mặc áo triều, ở ngôi trọng, học sinh với khoa giáp ngang nhau, lịch duyệt trên đường làm quan chưa từng khác nhau (làm quan ở triều bấy giờ duy có Đinh Chi, Trung Ngạn là người khoa giáp, còn bọn Hán Siêu, Sư Mạnh, Lê Quát, Phạm Mai đều do học sinh xuất thân), chỉ cần người dùng được, chứ không câu nệ ở đường xuất thân. Nhân tài và văn học được thịnh, cũng vì thế chăng" (1).

## I. TUYỂN CHỌN NHỮNG QUÝ TỘC ĐỒNG TỘC

Nhà nước Trần vừa là nhà nước quân chủ quý tộc đồng tộc vừa là nhà nước quân chủ quan liêu. Khi mới thiết lập vương triều, nhà Trần sử dụng đội ngũ quý tộc đồng tộc vào bộ máy của triều đình trung ương. Tầng lớp quý tộc tôn thất, được triều đình trọng dụng và đãi ngộ ưu hậu. Họ được giữ những chức vụ cao trong triều như các chức Tam thái, Tam thiếu, Tam tư, đứng đầu hai ban văn võ. "Chức tể tướng

thì chọn trong tôn thất người nào tài giỏi, có đạo đức nghệ thuật, thông hiểu thi thư thì cho làm" (2). Chức Phiêu kỵ tướng quân thì chỉ có hoàng tử mới được đảm nhận. Vai trò của tôn thất là rất quan trọng, họ là chỗ dựa chính yếu của vương triều. Những đại thần trong chính phủ phần lớn là người tôn thất. Sử chép: "Tháng 2 năm Bình Thân (1236), định quan hàm các đại thần; phạm người tôn thất vào chính phủ, hoặc là thái sư, thái phó, thái bảo, thái úy, hoặc là tư đồ tả hữu tướng quốc, đều kiêm hàm kiểm hiệu đặc tiến nghi đồng tam ty bình chương sự" (3). Nghi đồng tam ty nghĩa là nghi thức của tam ty hay tam công. Bình chương sự chỉ chức tể tướng và đồng bình chương sự nghĩa là ngang với chức tể tướng. Các đại thần tôn thất đều được lãnh những chức vụ cao trong triều. Và, xét trong chính sử ta thấy, những tôn thất được triều đình sử dụng vào việc nước đều tài giỏi. Những chức vụ trọng yếu trong bộ máy nhà nước đều do tôn thất đảm nhiệm. Như Trần Thủ Độ, Trần Quang Khải, Trần Hưng Đạo, Trần Nhật Duật, Trần Quang Triều, Trần Khánh Dư... hoặc người được ban quốc tính như Trần Khát Chân v.v... Họ là những người văn võ song toàn, không chỉ nổi tiếng đương thì mà đến nay tên tuổi của họ là niềm tự hào của biết bao thế hệ con cháu, nhưng tiếc thay không có tư liệu nào cho biết cách thức nhà Trần tuyển chọn họ như thế nào. Sử cũ chỉ chép rằng con em các văn quan và tòng quan được vào học ở

\* TS. Viện Sử học.

Quốc Tử viện và có viên quan với chức Thượng tri thư trông coi "Mùa Đông, tháng 10 năm Bính Thân (1236), cho Phạm ứng Thân làm Thượng tri thư Quốc tử viện, trông nom cho con em các văn quan và tụng quan vào học" (4). Đến năm 1272, nhà vua mới xuống chiếu "tìm người hiền lương thông hiểu kinh sách làm tư nghiệp Quốc Tử giám, người biết giảng dạy tứ thư ngũ kinh sung vào hầu nơi vua đọc sách" (5). Năm 1274 "chọn người Nho học trong nước người nào có đức hạnh sung vào hầu Đông cung. Lấy Lê Phụ Trần làm thiếu sự, kiêm chức sử cung (cung thái tử) giáo thụ". Những tư liệu này chỉ cho chúng ta biết việc học tập của nhà vua và thái tử mà thôi. Nhà vua còn trực tiếp viết thơ để dạy hoàng tử. Còn các vương hầu tôn thất không phải đội ngũ được tuyển chọn qua thi cử Nho học nhưng sự tài giỏi của họ trong quá trình xây dựng đất nước đã đưa triều Trần đạt được nhiều thành tựu trên các lĩnh vực chính trị, ngoại giao, quân sự, văn hoá và xã hội. Vua Trần Nhân Tông là người sáng lập ra thiên phái Trúc Lâm, chắc hẳn phải nghiên cứu kinh Phật đến độ "thiên kinh vạn quyển". Trần Thủ Độ được các sử thần nhà Lê nhận xét: Thủ Độ tuy không có học vấn nhưng tài lược hơn người, làm quan triều Lý được mọi người suy tôn. "Khi làm tể tướng mà phạm công việc không việc gì là không để ý. Vì thế mà giúp nên nghiệp vương, giữ được tiếng tốt cho đến chết. Thái Tôn có làm bài văn bia ở sinh từ để tỏ quý mến khác người" (6). Trần Hưng Đạo được Ngô Thì Sĩ hết lời ca ngợi: "Tài văn võ đủ làm phép cho muôn nước, mà không dám cậy tài năng; Anh hùng nổi tiếng hai nước mà không dám nhận công nghiệp. Thế lực có thể lật sông núi, đuổi sấm sét, mà lúc nào cũng coi uy nhan vua ở trước mặt. Nay xem ra theo nghĩa phải mà

không theo lời cha. Biết có nước mà không biết đến nhà, bẻ mũi gậy để đi theo hầu vua, giờ gươm mà kể tội con. Lòng trung thành sáng như mặt trời" (7). Phan Huy Chú nhận xét về Trần Quang Khải: "Công lao thu phục được nước, ông đứng thứ nhất... Ông nghe rộng biết nhiều, hiểu các tiếng người nước Phiên. Mỗi khi sứ sang ta, ông được chọn vào thù tiếp. Ông rất chăm học hay làm thơ" (8). Trần Khánh Dư được vua Trần Nhân Tông khen là người vừa tài trí lại mưu lược và lập làm thiên tử nghĩa nam (con nuôi của thiên tử) và được phong chức Phiêu kỵ Thượng tướng quân, một chức chỉ dành riêng cho hoàng tử. Sử chép: "Khi quân Nguyên sang cướp, Nhân Huệ vương Trần Khánh Dư nhân chỗ sơ hở đánh úp. Thượng hoàng khen là có trí lược, lập làm thiên nghĩa nam. Sau khi đánh người Man ở núi thắng trận to, phong Phiêu kỵ đại tướng quân. Chức Phiêu kỵ tướng quân không phải là hoàng tử thì không được phong, vì Khánh Dư là thiên tử nghĩa nam cho nên mới có mệnh ấy. Rồi từ tước hầu tăng lên mãi đến tử phục thượng vị hầu" (9). Và, cố nhiên còn khá nhiều tư liệu khác khen ngợi sự tài giỏi của các tôn thất nhà Trần, nhưng trong phạm vi bài viết này, chúng tôi chỉ xin được chứng minh phần nào. Tuy nhiên không phải cứ là tôn thất thì đều được trọng dụng. Nếu là tôn thất mà không có tài thì triều đình cũng không giao chức vụ. Cung Túc vương Dục, con trưởng của vua cũng không được chọn để kế tục ngai vàng vì "là người phóng dăng quá", không đủ tư cách và uy tín. Bảo Hưng vương là người tôn thất được vua Trần Anh Tông rất yêu quý, nhưng không được vua ủy cho làm việc chính sự "vì là không có tài làm được" (10).

Có một thực tế là, nhà Trần không chỉ lựa chọn và giao trách nhiệm cho những

vương hầu quý tộc là những người có học vấn vào những vị trí, chức vụ quan trọng của triều đình mà *điểm đặc biệt* là triều đình còn cử các vương hầu tôn thất đi trấn trị ở các địa phương bằng chế độ phong thái ấp. Họ trấn giữ và bảo vệ những vùng đất quan trọng của đất nước. Những người được phong tước vương, hầu nhưng không phải là tôn thất họ Trần thì cũng không được ban thái ấp. Ví dụ như Phùng Tá Chu được phong Đại vương vào tháng 10 năm Bình Tuất (1236), Phạm Kính Ân được phong tước quan nội hầu năm 1234. Họ là những vương, hầu và cả hai đều là các đại thần triều Trần nhưng không được triều đình cử đi trấn trị ở địa phương như các tôn thất khác. Ở địa phương các vương hầu tôn thất điều hành tất cả các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội. Có lẽ đây là một biện pháp thực tế để triều Trần rèn đúc họ chẵn. Việc cai quản một địa phương không chỉ là trọng trách của họ mà thông qua đó thể hiện được đức độ và tài năng của mỗi người. Họ ở các thái ấp, nhưng vẫn chịu sự lãnh đạo tối cao của nhà vua nên trường hợp Trần Quốc Khang xây phủ đệ lộng lẫy quá, sợ vua trị tội mới tô tượng Phật làm chùa. Tuy nhiên sự thực là không có tư liệu nào cho biết triều đình đào tạo họ ra sao. Cách thức học hành thế nào cũng không được rõ mà trên thực tế công việc cả văn lẫn võ họ đều nổi tiếng đến vậy.

## 2. TUYỂN CHỌN QUA KHOA CỬ

Thời Trần, thi cử để tuyển chọn quan lại cần phải kể đến các hình thức: thi Lại viên, thi Tam giáo và chủ yếu là thi Thái học sinh (như thi Tiến sĩ sau này). Tuy nhiên những khoa thi Tam giáo chủ yếu là lấy người nổi nghiệp các nhà Nho giáo, Đạo giáo, Phật giáo, nên theo tôi không xếp vào hình thức thi tuyển chọn quan lại.

### Thi lại viên

Sử cũ chép những sự kiện triều đình tuyển người qua các kỳ thi Lại viên: Đời Trần Thái Tông, năm Kiến Trung thứ 4 (1228), tháng 2, thi lại viên bằng thể thức công văn (bạ đầu sách). Người nào trúng tuyển thì sung làm thuộc lại ở các sảnh viện" (11); Thánh Tông, năm Thiệu Long thứ 4 (1261) "Thi lại viên bằng các môn viết và tính. Người đỗ sung làm duyet lại nội lệnh sử, các ty Thái y, Thái chúc khảo thì người nào tinh thông nghề ấy thì bổ vào chức ấy" (12). Những người làm việc trong Thái y ty chịu trách nhiệm chữa bệnh ở trong cung. Những người làm việc trong Thái chúc ty thì giữ việc lễ nhạc; Tháng 3 năm Quý Mão (1363) "thi các sĩ nhân bằng văn nghệ để sung vào các quán các. Thi lại viên bằng viết chữ để sung làm thuộc viên các sảnh viện" (13); "Duệ Tông, năm Long Khánh thứ 1 (1373), thi lại viên để bổ nội lệnh sử và duyet lại" (14). Chứng tỏ các quan viên làm việc trong các sảnh, viện thời Trần được triều đình chú trọng tuyển dụng với các hình thức khác nhau.

Chúng ta biết rằng sảnh, viện thời Trần gồm nhiều bộ phận nên các quan lại giúp việc không phải là ít. Ví dụ: *Sảnh* gồm có *Trung thư sảnh, Môn hạ sảnh, Thượng thư sảnh, Bí thư sảnh* và *Nội thị sảnh*.

Trung thư sảnh thì có Trung thư lệnh, thị lang, tả hữu gián nghị đại phu, tả hữu chính ngôn, tả hữu tham nghị, giữ việc đề nghị các việc lên vua và vâng tuyên mệnh lệnh; Môn hạ sảnh vốn là Quan Triều cung hành khiển ty, đến đời Thiệu Phong thì đổi tên này, có các chức hành khiển, tả hữu ty lang trung, viên ngoại lang, giữ việc vâng theo lệnh chỉ của Thượng hoàng, v.v...

*Viện* gồm có *Tuyên huy viện, Thẩm hình viện, Quốc sử viện, Tập hiền viện, Tam ty*

viện, Quốc học viện, Nội mật viện. Ví dụ Tuyên huy viện có đại sứ và phó sứ; theo chế độ nhà Tống thì Tuyên huy viện giữ sổ sách các ty các ban trong cung, cùng việc tế tự triều hội; Thẩm hình viện (có chức đại lý chính, khi tụng án đã thành, viện này định tội, lệ vào Hình bộ); Quốc sử viện (có đề điệu, giám tu quốc sử); Tập hiền viện (có học sĩ, cũng có Tập hiền điện); Hàn lâm viện (có các chức học sĩ, học sĩ thừa chỉ), v.v... (15). Như vậy có thể hình dung được số người cần tuyển qua các kỳ thi không phải là nhỏ.

### Thi Thái học sinh

Trong quá trình củng cố, xây dựng đất nước, nhà Trần càng ngày càng chú trọng đến giáo dục và khoa cử Nho giáo được thể hiện qua các kỳ thi Thái học sinh. Những người nào thi đỗ còn được nhà vua cho vào châu ở điện: "Năm Thiên ứng chính bình thứ 5 (1236), chọn Nho sinh thi đỗ cho vào châu, bàn làm định lệ"(16). Khoa thi Thái học sinh đầu tiên năm 1232, đến khoa cuối cùng năm 1393 thì nhà Trần đã tổ chức được 12 khoa thi và một khoa thi Đình các tiến sĩ. Nhà Trần đã thực sự thông qua khoa cử để tuyển chọn nhân tài, quan lại phục vụ đất nước. Chúng ta thử xét ví dụ một số khoa thi, những người thi đỗ đều được triều đình bổ làm quan trong triều. Khoa thi năm 1232, lấy đỗ Đệ nhất giáp là Trương Hanh, Lưu Diễm, đệ nhị giáp là Đặng Diễm, Trịnh Phẫu, đệ tam giáp là Trần Chu Phổ. Khoa thi năm 1247, triều đình lấy đỗ 48 người, trong đó có những người giỏi nổi như Nguyễn Hiến, Lê Văn Hưu. ĐVSKTT chép: "Đình Mùi năm thứ 16 (1247). Mùa Xuân, tháng 2, mở khoa thi chọn học trò. Cho Nguyễn Hiến đỗ Trạng nguyên, Lê Văn Hưu đỗ Bảng nhãn, Đặng Ma La đỗ Thám hoa lang. Lấy đỗ Thái học sinh 48 người cho xuất thân theo thứ bậc

khác nhau..."(17) (sách *Lịch triều đăng khoa* ghi đỗ chỉ có 40 người). Lê Văn Hưu là người chấp bút viết bộ sử *Đại Việt sử ký*. Sách ĐVSKTT chép: "Nhâm Thân (1272). Mùa Xuân, tháng Giêng, Hàn lâm viện học sĩ kiêm Quốc Sử viện giám tu là Lê Văn Hưu vâng chỉ soạn xong bộ *Đại Việt sử ký* từ Triệu Vũ đế đến Lý Chiêu Hoàng. Cộng 30 quyển, dâng lên, vua xuống chiếu khen ngợi" (18). *Đặng Ma La* làm quan đến chức Thẩm hình viện.

Khoa thi Thái học sinh năm 1256 lấy đỗ thái học sinh 43 người (Kinh 42 người, Trại 1 người) và đều cho xuất thân theo thứ bậc khác nhau. ĐVSKTT chép: "Mùa Xuân, tháng 2, mở khoa thi chọn học trò, lấy Trần Quốc Lặc đỗ Kinh Trạng nguyên, Trương Xán đỗ Trại Trạng nguyên, Chu Hình đỗ Bảng nhãn, Trần Uyên đỗ Thám hoa lang... cho xuất thân theo thứ bậc khác nhau. Khi mới dựng nước, số người thi đỗ chưa chia ra kinh trại, đỗ đầu gọi là trạng nguyên, đến đây chia Thanh Hóa, Nghệ An làm trại, cho nên có kinh trại khác nhau" (19). Trần Quốc Lặc, được kết hôn với công chúa. Sau được phong phúc thân. Trương Xán, làm quan đến chức Thị Lang, hàm Tụ khanh. Trần Chu Hình (sách ĐVSKTT chỉ ghi tên của ông là Chu Hình, nhưng sách *Lịch đại đăng khoa* cho biết ông họ Trần), làm quan đến chức Hàn lâm viện thị độc. Trần Uyên làm quan đến chức đại học sĩ.

Khoa thi năm 1266 lấy đỗ 47 người. "Tháng 3 (1266), mở khoa thi chọn học trò, lấy đỗ Kinh Trạng nguyên Trần Cố, đỗ Trại Trạng nguyên Bạch Liêu, đỗ Bảng nhãn không rõ tên, đỗ Thám hoa lang Hạ Nghi... cho xuất thân theo thứ bậc khác nhau" (20). Trần Cố làm quan đến chức Thiên chương các đại học sĩ. Bạch Liêu là môn khách của Chiêu minh Đại vương Trần Quang Khải mà không ra làm quan. Sách

DVSKTT chép: "Liêu người Nghệ An, tính thông minh nhớ lâu, đọc sách 10 dòng một lúc. Bấy giờ Quang Khải quản châu Nghệ An, Liêu chỉ làm gia khách, không ra làm quan" (21). Hạ Nghi làm quan đến chức Thị lang.

Khoa thi năm 1304 lấy đỗ 44 người. Đây là khoa thi tập trung sĩ tử lớn nhất từ trước tới đó, "tháng 3 năm Giáp Thìn (1304), thi học trò trong nước, lấy Mạc Đĩnh Chi đỗ Trạng nguyên làm thái học sinh hóa dưỡng thủ, sung nội thư gia, lấy Bảng nhãn Bùi Mộ làm chi hậu bạ thư mạo sam, sung nội lệnh thư gia, lấy Thám hoa lang Trương Phóng làm hiệu thư quyền miện, sung nhị tư, lấy Nguyễn Trung Ngạn đỗ Hoàng giáp, cả thảy 44 người thái học sinh; dẫn 3 người đỗ đầu ra cửa Long Môn của Phượng thành đi chơi đường phố ba ngày. Còn những người khác ở lại học tập cộng 330 người. Trung Ngạn mới 16 tuổi, đương thì gọi là thần đồng" (22). Mạc Đĩnh Chi nổi tiếng học giỏi đỗ cao, danh tiếng "Lưỡng quốc trạng nguyên" lấy lừng đương thời. Ông từng làm quan và hoạt động dưới 4 triều vua Trần: Trần Anh Tông (1293-1314), Trần Minh Tông (1314-1329), Trần Hiến Tông (1329-1341) và Trần Dụ Tông (1341-1369). Ông làm quan đến chức Nhập nội hành khiển Hữu ty Lang trung, Tả ty Lang trung đời vua Trần Minh Tông. Bùi Mộ khi mới đỗ được sung chức chi hậu bạ thư mạo sam (mạo sam: mũ và áo của chức bạ thư), sung nội lệnh thư gia. Trương Phóng làm hiệu thư quyền miện, sung nhị tư (quyền miện: mũ của chức bạ thư). Nguyễn Trung Ngạn (1289 - 1370), còn có tên là Cốt, là một trong những nhân tài nổi tiếng của triều Trần, từng làm Đại Doãn Kinh sư (nguyên trước ở Kinh sư đặt đại An phủ sứ, đến đây đổi làm Đại Doãn), tức là người đứng đầu cai quản Kinh đô Thăng Long.

Ông cùng với Trương Hán Siêu biên định bộ *Hoàng triều đại điển* và khảo soạn bộ *Hình thư*. Sau, kinh qua các chức Kinh lược sứ trấn Lạng Giang, nhập nội đại hành khiển, thượng thư hữu bật kiêm tri Khu mật viện sứ, thị Kinh diên đại học sĩ, trụ quốc khai huyện bá.

Khoa thi năm 1393 lấy đỗ 30 người. Trong đó, Hoàng Quán Chi làm quan đến chức Thượng thư Thảm hình viện. Lê Vị Tẩu làm quan đến chức Hàn Lâm. Mai Tú Phu làm quan đến chức Thị lang. Đồng Thúc, chưa rõ năm sinh, mất năm 1407, làm quan đến chức Thị lang. Khi triều Trần sụp đổ, ông ra làm quan cho triều Hồ.

Thông qua thi cử sàng lọc những người không đủ khả năng nhưng cũng thông qua thi cử mới thấy được cái tinh anh tài giỏi của từng người. Và, nhân tài có cơ hội phát huy tài năng của mình.

### III. TUYỂN CHỌN CÁC NHO SINH CÓ TÀI

"Thời Trần đã đặt khoa cử, nhưng sự bổ dụng không bắt buộc phải có khoa cử, các chức ở sảnh, viện, quán, cục đều dùng những nho sĩ hay chữ để làm, hoặc dùng học sinh vào Trung thư sảnh (như đời Thánh Tông cho Đỗ Quốc Tá là chân Nho sĩ được làm chức Trung thư lệnh), hoặc dùng người bình dân lên làm Mật viện (như đời Anh Tông, Đoàn Nhữ Hài là người bình dân được cất vào tham dự chính sự), nhẩy lên địa vị cao quý không câu nệ ở tư cách..." (23). Nhận xét của Phan Huy Chú hẳn là muốn nhấn mạnh đến đường xuất thân, như trên chúng tôi đã nêu, các quan lại làm việc ở quán, các, sảnh, viện phần lớn phải trải qua các kỳ thi Lại viên. Những Nho sinh có kiến thức và trình độ vẫn được triều đình tuyển dụng. Phan Huy Chú nhận xét: "Phép thuyên tuyển đời Lý đời Trần, cách

thức không thể khảo được. Đại khái quy chế ứng tuyển bổ quan chưa được chu đáo. Kẻ sĩ có văn học thì được bổ làm quan ở quán các, lại viên giỏi sổ sách giấy tờ thì bổ thuộc lại ở các ty. Phép niên lao (xét làm việc lâu năm khó nhọc) và nhiệm tử (dùng con các quan được tập ấm) cũng đều có cả. Nhưng đại yếu thì tư cách, cấp bậc, chắc không tinh tường bằng phép tuyển bổ sau này" (24).

Những Nho sinh có tài mà sử sách hay nhắc đến là Đoàn Nhữ Hài. Mặc dù Đoàn Nhữ Hài chưa qua thi cử nhưng nhà vua đã không ngần ngại trao cho chức Ngự sử trung tá, theo tôi, cuộc thi lớn nhất mà Đoàn Nhữ Hài trải qua ấy là làm tờ biểu tạ tội do vua Trần Anh Tông trực tiếp ra lệnh. Nếu chẳng may, Đoàn Nhữ Hài không làm nổi hoặc làm không hay, chắc hẳn nhà vua đã không trọng dụng "... còn như Nhữ Hài là học trò thôi, vì có tài cho nên không ngại mà ủy dụng mau quá" (25). Sử cũ chép rằng, một hôm do mãi học mà Đoàn Nhữ Hài thơ thẩn ở cửa chùa Tư Phúc ngoài cung, tình cờ gặp vua Trần Anh Tông. Nhà vua vừa tỉnh dậy sau trận say rượu sượng bở nên bị Thượng hoàng vua cha Trần Nhân Tông khiển trách nên rất lo lắng liền dẫn Nhữ Hài vào nơi buồng ngủ và giao cho viết một bài biểu tạ tội. Đọc bài biểu, Thượng hoàng đã từng khen: "Nhữ Hài thực là người giỏi, được quan gia (tức vua Anh Tông - TG) sai khiến là phải" (26). Khi được cử đi sứ Chiêm Thành, Đoàn Nhữ Hài là người đầu tiên thay đổi được lệ lạy vua Chiêm trước bằng lệ lạy chiếu thư nước ta trước. ĐVSKTT chép: "Trước đây sứ nước ta sang Chiêm Thành đều lạy vua nước Chiêm trước, rồi sau mới mở chiếu thư. Khi Nhữ Hài đến, bưng ngay chiếu thư để lên trên án và bảo vua Chiêm rằng: "Từ khi sứ giả đem chiếu thư của thiên tử đến, xa cách

ánh sáng lâu ngày, nay mở chiếu thư đã rồi mới tuyên đọc sau". Rồi lập tức hướng vào chiếu thư lạy xuống... Sau này những người đi sứ Chiêm Thành không lạy vua nước Chiêm là bắt đầu từ Nhữ Hài. Khi về nước, vua rất khen ngợi, mới quyết định dùng vào chức to, cho nên có mệnh này" (27). Những Nho sinh còn được lựa chọn bổ sung vào các cơ quan của triều đình. Tháng 4 năm 1267, Đặng Kế làm Hàn lâm viện học sĩ. Đỗ Quốc Tá làm Trung thư sảnh Trung thư lệnh. Kể cả chức hành khiển trước đây chỉ dùng nội nhân (hoạn quan) thì đến đây cũng dùng những Nho sinh hay chữ. Và, từ thời điểm này Nho sinh được tham gia vào các cơ quan chức năng của triều đình. Sử chép: "Người văn học được giữ quyền bính bắt đầu từ đây" (28).

Những người không thực tài, dù thân cận với nhà vua đến đâu cũng không được triều đình tuyển dụng. Sử chép, Nguyễn Sĩ Cố và Chu Bộ đều là người gần gũi, hầu cận Trần Anh Tông từ khi còn là Thái tử. Khi Anh Tông lên ngôi "Cố và Bộ vì đều không có hạnh kiểm nên đều không được nhắc dùng. Cố làm đến Thiên chương các học sĩ, chức này đặt làm vì, không phải thực chức; Bộ thì chỉ coi vài bộ cấm binh mà thôi. Khi Thượng hoàng (Trần Anh Tông- TG) thân đi đánh Chiêm Thành, Bộ chết trận, Cố thì chết dọc đường. Hai người phục vụ Thượng hoàng khó nhọc lâu ngày, nhưng vì tài không thể dùng được, cho nên để vào chức nhân tản, đều cho bổng lộc tước trật ưu hậu cả, mà không khiến làm việc gì có quyền" (29).

#### IV. TUYỂN CHỌN BẰNG TIẾN CỬ

Thời Trần, chưa có tư liệu nào cho biết nhà vua có chỉ dụ về việc tiến cử người hiền lành ngay thẳng, nhưng Phan Huy Chú đã viết: "Việc cử người hiền giao cho các quan, các đời đều thế cả" (30). Triều Lê Sơ, lệ

tuyển bổ được quy định rõ ràng. Ngoài việc tiến hành thi cử để chọn nhân tài, triều đình Lê sơ còn rất chú trọng đến việc thực hiện tuyển chọn theo chế độ bảo cử, tiến cử và đặt thành "lệ" hẳn hoi. Có nghĩa là các đại thần văn võ đều cử người hiền lành ngay thẳng cho nhà vua. Bảo cử và tiến cử cũng có điểm khác nhau. Theo Phan Huy Chú: "Cử người làm quan có hai lối: một là tiến cử thì lấy người tài đức hơn hẳn mà không cứ thân phận, hai là bảo cử thì lấy người danh vọng rạng rệt mà phải theo tư cách. Hai lối ấy giống nhau mà thể thức hơi khác. Lệ bảo cử bắt đầu từ đời Hồng Đức. Bấy giờ việc ấy làm thận trọng, mà trừng phạt lại nghiêm, cho nên không ai dám bảo cử thiên tư các chức đều xứng đáng, rốt cùng thu được hiệu quả là chọn được người" (31).

Bằng vào tư liệu lịch sử ta thấy, thời Trần, những người được tiến cử đều được triều đình trọng dụng. Sau kháng chiến chống quân Nguyên lần thứ ba Khắc Chung đã tiến cử em là Thiên Hứ đi sứ nước Nguyên và được vua chấp thuận "Mùa Đông, tháng 10 năm Mậu Tý (1288), sai Đỗ Thiên Hứ (Thiên Hứ là em Khắc Chung sang sứ nước Nguyên. Đỗ Khắc Chung trước đây đi sứ sang quân Nguyên có công, đến nay Khắc Chung tiến em là Thiên Hứ (TG. nhấn mạnh). Vua y theo" (32). Trần Hưng Đạo đã tiến cử môn khách của mình là Trần Thì Kiến làm Đại an phủ Kinh sư: "Mùa Hạ tháng 4 năm Đinh Dậu (1297), lấy Trần Thì Kiến làm quan kiểm pháp, nhậm chức Đại an phủ Kinh sư. Thì Kiến tính người cương trực, lúc trước làm môn khách của Hưng Đạo vương, *vương tiến cử lên* (TG. nhấn mạnh), dùng làm An phủ sứ Thiên Trường" (33). Những môn khách của Trần Hưng Đạo như Phạm Ngũ Lão, Trương Hán Siêu, Phạm Lãm, Trịnh Dũ, Ngô Sĩ Thường, Nguyễn Thế Trực đều là

những người tài giỏi được Trần Hưng Đạo tiến cử với triều đình. Sử chép: "(Quốc Tuấn - TG. chú) lại hay vì nước tiến cử người hiền như Dã Tượng và Yết Kiêu là gia thân có dự công dẹp Ô mã nhi và Toa đô, Phạm Ngũ Lão, Trần Thì Kiến, Trương Hán Siêu, Phạm Lãm, Trịnh Dũ, Ngô Sĩ Thường, Nguyễn Thế Trực là môn khách, đều do văn chương chính sự nổi tiếng với đời, là bởi (Quốc Tuấn - TG. chú) đã có tài mưu lược hùng võ lại dốc một lòng trung nghĩa vậy" (34). Năm 1389, dưới triều vua Trần Thuận Tông, khi cử Phạm Cự Luận làm Thiêm thụ Khu mật viện sự, Ông đã tiến cử em là Phạm Phiếm cùng một số người có danh tiếng và đức vọng để triều đình dùng làm thuộc viên trong Khu mật viện. Sử chép: "Tháng 4 (1389), cho Phạm Cự Luận làm Thiêm thụ Khu mật viện sự. Quý Ly hỏi người nào có thể làm thuộc viên ở Khu mật viện được, Cự Luận tiến cử em là Phạm Phiếm cùng Vương Khả Tuấn, Dương Chương, Hàn Tử Tây, Nguyễn Sùng, Nguyễn Thư, Nguyễn Cảnh Chân, đều là người có danh tiếng đức vọng có thể dùng được, mà Đỗ Tử Mãn là hơn cả" (35).

Nhà Trần tuyển chọn quan lại và trọng dụng người tài trong kỷ cương công bằng và nghiêm minh. Những người đã được triều đình trọng dụng nếu phạm lỗi kể cả người ấy giữ chức vụ cao trong triều đều bị nhà vua trách phạt theo mức độ. Sử chép: Năm 1291 "Cho Phí Mạnh làm An phủ châu Diễn, Mạnh ở chức chưa được bao lâu, có tiếng đồn là tham ô, vua gọi về đánh trượng rồi lại cho về trị sở; lại được tiếng là công bình thanh liêm" (36). Năm 1326, "Trương Hán Siêu làm hành khiển. Một hôm nói ở trong triều rằng hình quan Phạm Ngộ và Lê Duy ăn hối lộ. Vua lập tức sai xét thực... Đến khi khám hỏi thì Hán Siêu đuối lý, phải phạt 300 quan tiền. Không bao lâu lấy

Phạm Ngộ làm quan tri chính sự đồng tri Thượng thư tả ty sự, chức ngang với Hán Siêu. Ngộ tuy học vấn không bằng Hán Siêu nhưng làm quan thanh liêm cẩn thận, được tiếng khen ở đương thời" (37). Năm 1326, do sơ suất trong công việc Nguyễn Trung Ngạn, người nổi tiếng tài giỏi lúc bấy giờ vẫn bị giáng làm An phủ sứ Thanh Hóa, không được làm việc trong cung Thánh Từ nữa. Sử chép: "Mùa Thu, tháng 7 (1326) giáng Nguyễn Trung Ngạn là An phủ sứ Thanh Hóa. Trung Ngạn tính người sơ suất, khi ấy Bảo Võ vương được phong chức Tào y (áo đen - TG) Thượng Vị hầu, Trung Ngạn biên vào hạng được thăng, lại để vào hạng tử y (áo tía- TG). Thượng hoàng thương là người có tài, vả lại do lầm lỡ, không bắt tội, nên đuổi ra làm quan ở bên ngoài" (38).

Tóm lại, những cách thức tuyển chọn quan lại nêu trên đã giúp cho nhà Trần có được đội ngũ quan lại tài giỏi giúp nước,

giúp dân. Những quan lại thời Trần không chỉ góp phần làm rạng danh triều đại mà còn là bài học kinh nghiệm trong quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay, bởi "Hiền tài là nguyên khí của quốc gia".

Phương thức tuyển chọn quan lại thời Trần không câu nệ vào đường xuất thân nhưng lại rất kỹ lưỡng, cẩn thận, không ồ ạt và cầu thả. Cách tuyển chọn binh lính cũng vậy "quân cần tinh không cần nhiều". Trong quá trình sử dụng, thưởng phạt cũng được triều đình thực hiện nghiêm minh.

Người tài đức được triều đình trọng dụng. Người không có tài thì không giao trọng chức. Vì vậy, suốt trong thời gian tồn tại, vương triều Trần đã đạt được nhiều thành tựu rực rỡ trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội. Đó là bài học về tuyển chọn và trọng dụng nhân tài không chỉ riêng cho vương triều Trần mà còn có giá trị đến ngày nay.

## CHÚ THÍCH

(1). Phan Huy Chú: *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập I, Nxb.KHXH, Hà Nội, 1992, tr. 539.

(2). *Đại Việt Sử ký toàn thư* (viết tắt là ĐVSKTT), tập II, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1971, tr. 21.

(3), (4), (5), (6). *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập II, sdd, tr. 14, 14, 42, 52.

(7). Ngô Thì Sĩ: *Việt sử tiêu án*, quyển 3, Bản đánh máy của Viện Sử học.

(8). Phan Huy Chú: *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập II, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1992, tr. 223.

(9), (10), (11), (12), (13). *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập II, sdd, tr.52; 100; 9; 33; 165.

(14), (16), (23), (24), (30), (31). Phan Huy Chú: *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập I, sdd, tr. 565, 565, 539, 565, 579, 580.

(15), (17), (18), (19), (20), (21), (22). ĐVSKTT, tập 2, sdd, tr. 281, 21; 42; 28; 38; 38; 99.

(25), (26), (27), (28), (29). ĐVSKTT, tập 2, sdd, tr. 100, 98, 98-99, 39, 122.

(32), (33), (34), (35), (36), (37), (38). ĐVSKTT, tập 2, sdd, tr. 69; 83; 90; 204; 74; 129; 128.